

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN



Vững bước cùng bạn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2025

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG.	Trang
1.	Thông tin khái quát.	3
2.	Quá trình hình thành và phát triển.	3
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.	3
4.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.	4
5.	Định hướng phát triển.	4
6.	Các rủi ro.	4
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.	
1.	Tình hình hoạt động kinh doanh.	6
2.	Tổ chức và nhân sự.	6
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.	7
4.	Tình hình tài chính	7
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	9
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường	10
III	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.	
1.	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.	11
2.	Tình hình tài chính.	13
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.	15
4.	Kế hoạch phát triển.	15
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.	
1.	Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.	16
2.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị.	17
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.	
1.	Hội đồng Quản trị.	17
2.	Ủy ban kiểm toán.	23
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc .	27
VI	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.	
1.	Ý kiến kiểm toán.	28
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán.	30

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên Giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300631013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 01/09/2000 và đã đăng ký thay đổi lần thứ 23 vào ngày 17/12/2021.
- Vốn Điều lệ: 112.914.590.000 đồng.
- Địa chỉ trụ sở chính: 146E Nguyễn Đình Chính, Phường Phú Nhuận, TP.HCM.
- Số điện thoại: (84.028) 39 979 292 – 39 979 393
- Website: www.sfc.com.vn.
- Mã cổ phiếu: **SFC**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

a. Việc thành lập Công ty:

Tiền thân là Công ty Chất đốt Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập từ năm 1975 với chức năng nhiệm vụ chính là đảm bảo phân phối các mặt hàng chất đốt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2000 Công ty Chất Đốt TP.HCM, chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn (viết tắt là SFC), có vốn điều lệ 17 tỷ đồng.

b. Niêm yết:

Công Ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận cho niêm yết tại Trung Tâm Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 21/09/2004 theo Quyết định số 31/GPPH.

c. Thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập.

- Năm 2000 được đánh dấu là năm tạo bước ngoặt quan trọng của Công ty khi thực hiện chuyển đổi thành công từ hình thức sở hữu Nhà Nước thành Công ty cổ phần.
- Năm 2004: Công ty chính thức tham gia sàn giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh, với mã cổ phiếu SFC.
- Năm 2010: Công ty được Chủ tịch nước phong tặng Huân chương lao động hạng nhì.
- Năm 2015: Công ty Vinh dự đón nhận cờ truyền thống của UBND Thành phố Hồ Chí Minh trao tặng nhân kỷ niệm 40 năm ngày thành lập (1975-2015).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Kinh doanh các mặt hàng: xăng, dầu, nhớt, mỡ, dịch vụ rửa, giữ xe các loại; vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ kinh doanh xăng dầu.
- Hợp tác kinh doanh khai thác mặt bằng, kho bãi, nhà xưởng.
- Đại lý bảo hiểm;
- Và các ngành nghề khác theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

b. Địa bàn kinh doanh:

Các Cửa hàng XD, kho bãi, nhà xưởng ... của Công ty hoạt động tại các Quận, Huyện thuộc địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

a. Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị (HĐQT) gồm 5 thành viên có nhiệm kỳ 5 năm do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan điều hành Công ty và thực thi các quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Ủy ban kiểm toán (UBKT) là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có 02 thành viên do HĐQT phân công. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán là thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
- Tổng Giám đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm có nhiệm kỳ 3 năm.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Định hướng phát triển:

Năm tài chính 2025 Hội đồng Quản trị đã cùng Ban điều hành phân tích những thuận lợi và khó khăn, những cơ hội, thách thức đối với Công ty để xây dựng định hướng chiến lược cho những năm tiếp theo, nhằm đạt mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty thông qua tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của mình.

a. TẦM NHÌN: Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn - SFC là Công ty phát triển bền vững và hiệu quả, hướng đến mục tiêu trở thành một trong những Công ty kinh doanh bán lẻ xăng dầu uy tín tại Thành phố Hồ Chí Minh.

b. SỨ MỆNH: SFC mang lại sự hài lòng cho khách hàng thông qua sản phẩm và dịch vụ đạt chất lượng cao; cam kết mang lại giá trị cao nhất và sự thịnh vượng cho cổ đông và cán bộ - nhân viên công ty; đồng thời đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

c. GIÁ TRỊ CỐT LÕI:

- Tuân thủ: Pháp luật, nội quy và các quy chế, quy định, quy trình của Công ty.
- Trung thực: Với khách hàng, đối tác, Công ty và những người xung quanh.
- Chuyên nghiệp: Chuyên tâm và tận tâm với công việc để đạt hiệu quả cao nhất.

d. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Về chiến lược trung và dài hạn, trong giai đoạn 2025-2030, Công ty đề ra mục tiêu sẽ tiếp tục tăng tốc phát triển, tăng sản lượng kinh doanh xăng dầu, giữ ổn định thị phần đi đôi với hiệu quả kinh doanh; đầu tư mở rộng và phát triển kinh doanh dịch vụ khác ngoài xăng dầu.

- Luôn thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ môi trường trong sản xuất kinh doanh
- Đảm bảo mục tiêu an toàn lao động, Phòng cháy chữa cháy theo quy định.
- Luôn tích cực vận động, ủng hộ và nhiệt tình hỗ trợ Công đoàn và cán bộ công nhân viên công ty tham gia các hoạt động vì cộng đồng và các hoạt động phong trào.

6. Các rủi ro:

a. Rủi ro kinh tế:

Năm 2025, nền kinh tế thế giới đối mặt với nhiều thách thức về địa chính trị đã ảnh hưởng đến sự phát triển ngành xăng dầu và kinh tế xã hội.

Trước tình hình đó, để ổn định và phát triển, SFC tập trung phát huy các lợi thế nội tại, tiết kiệm các khoản chi phí, không ngừng xây dựng phát triển cơ sở vật chất – kỹ thuật nhằm phục vụ khách hàng tốt nhất và phù hợp với tình hình chung từng giai đoạn để đạt hiệu quả kinh doanh cao.

b. Rủi ro thị trường:

Ngành xăng dầu hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, nguồn cung cấp xăng dầu của Việt Nam từ sản xuất trong nước và nhập khẩu nên giá xăng dầu sẽ thay đổi theo giá xăng dầu trên thị trường thế giới.

c. Rủi ro pháp luật:

Hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn chịu sự điều chỉnh của các luật, nghị định, thông tư hướng dẫn... liên quan đến công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Do đó, rủi ro về việc sửa đổi các quy định từ các cơ quan quản lý Nhà nước là tất yếu và không thể tránh khỏi.

d. Rủi ro ngành nghề:

Ngành nghề chính của Công ty là kinh doanh xăng dầu, đây là ngành hàng dễ gây cháy, nổ, vệ sinh môi trường. Do vậy, Công ty luôn tuân thủ các quy định về công tác ATVSLĐ, Phòng chống cháy nổ, VSMT. Đồng thời, Công ty thực hiện đào tạo nâng cao kiến thức, thực hành công tác PCCC, VSMT cho toàn thể CBNV và mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định nhằm đảm bảo an toàn kinh doanh và hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty.

e. Rủi ro tài chính:

Công ty thường xuyên bán hàng trả chậm cho một số khách hàng công nghiệp, vận tải đa phần với hình thức tín chấp, vì vậy rủi ro từ việc khách hàng không thực hiện đúng cam kết theo những điều khoản trong hợp đồng dẫn đến tổn thất về tài chính. Để hạn chế tối đa rủi ro này, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời gian nợ một cách cụ thể. Đồng thời, Ban điều hành Công ty thường xuyên theo dõi quản lý công nợ phải thu để đơn đốc thu hồi, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro.

f. Rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh:

Cùng với việc tăng trưởng sản lượng kinh doanh xăng dầu, việc quản lý một hệ thống công nghệ, trang thiết bị đa dạng về chủng loại và số lượng, phân bố trên một phạm vi rộng lớn, làm cho nguy cơ xảy ra sự cố kỹ thuật, cháy nổ, tràn dầu, mất an toàn, có thể gây thiệt hại nghiêm trọng.

Tác động chính tới môi trường trong hoạt động xăng dầu đó là: hơi xăng dầu phát sinh trong quá trình xuất nhập, tồn chứa và vận chuyển xăng dầu; nước thải nhiễm dầu phát sinh từ các hoạt động vệ sinh bồn bể, thiết bị, nước nhiễm dầu; chất thải rắn nhiễm dầu; sự cố tràn dầu; ô nhiễm không khí từ hơi xăng dầu gây tổn hại tới sức khỏe của người lao động, của cộng đồng dân cư sinh sống gần khu vực công trình xăng dầu.

Vì vậy, Công ty đặc biệt quan tâm, chú trọng công tác tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác BVMT. Tổ chức huấn luyện công tác BVMT/ứng phó sự cố tràn dầu cho các cán bộ trực tiếp quản lý, tại các cửa hàng xăng dầu.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

Thực hiện kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2025 (từ 01/10/2024 đến 30/9/2025). Trong năm tài chính 2025 tình hình thị trường xăng dầu thế giới và trong nước vẫn còn nhiều biến động về nguồn hàng, giá. Xu thế sử dụng xe điện ngày càng tăng nên nhu cầu tiêu dùng xăng dầu có xu hướng giảm. Kinh doanh khai thác mặt bang gặp nhiều khó khăn do các đối tác thuê trả lại mặt bằng. Được sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT, chính sách bán hàng của Công ty STS và nỗ lực cao của CBCNV, kết quả kinh doanh năm tài chính 2025 của Công ty đạt được như sau:

1. Những chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu của Cty SFC thực hiện trong những năm qua:

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	701.516	1.455.151	1.630.377	1.650.630	1.435.304
Lợi nhuận trước thuế	28.587	25.530	35.602	23.722	27.947
Lợi nhuận sau thuế	22.677	20.271	28.308	18.805	22.046
Tổng tài sản	249.290	232.539	292.262	280.126	277.781
Vốn điều lệ	112.915	112.915	112.915	112.915	112.915
Cổ tức (%)	18%	16%	20%	15%	17%

- Doanh thu thực hiện năm nay tương đương với năm trước.
- Tổng lợi nhuận trước thuế trong 5 năm gần nhất là 141,388 tỷ đồng, bình quân mỗi năm 28,278 tỷ đồng. Năm cao nhất là 35,602 tỷ, năm thấp nhất là 23,722 tỷ.
- Lợi nhuận năm 2025 thực hiện 27,947 tỷ đồng đạt 106% kế hoạch và bằng 118% cùng kỳ năm tài chính 2024, do lãi gộp cao và công tác quản lý sử dụng vốn có hiệu quả.
- Cổ tức năm 2025 tăng so với năm 2024

2. Tổ chức và nhân sự:

Danh sách Ban điều hành.

Ông Trịnh Bá Bộ

- Năm sinh
- Trình độ chuyên môn
- Ngày bổ nhiệm

Tổng Giám đốc

1960
Kỹ sư cơ khí – Cử nhân kinh tế
01/01/2024

Bà Bùi Hoài Châu

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:
- Ngày bổ nhiệm

Phó Tổng Giám đốc

1968
Cử nhân kinh tế.
01/03/2023 (Nghỉ hưu theo chế độ từ 01/07/2025).

Bà Phạm Thị Thu Nga

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:
- Ngày bổ nhiệm

Kế toán trưởng

1970
Cử nhân Tài chính Kế toán
29/03/2023

• **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Tại thời điểm ngày 30/9/2025, số lượng người lao động trong Công ty là 186 người.

- **Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:**

Công tác đào tạo luôn được Công ty chú trọng, đặc biệt là những cán bộ trẻ nhằm nâng cao trình độ, chất lượng hiệu quả công việc. Trong năm, Công ty đã tổ chức huấn luyện cho Người lao động về công tác bảo hộ - an toàn lao động, các kỹ năng, nghiệp vụ xăng dầu, bảo vệ môi trường, PCCN- CNCH; tổ chức lớp đào tạo bồi dưỡng công tác quản lý cho CHT. Công ty đã triển khai quy định tiêu chuẩn đối với từng chức danh cụ thể về: trình độ văn hoá, nghiệp vụ chuyên môn, năng lực...

- Công ty thực hiện đúng quy định của Nhà nước về chính sách tiền lương, thưởng cũng như các chế độ phúc lợi xã hội cho người lao động. Hỗ trợ chăm lo đời sống người lao động đảm bảo thu nhập ổn định. Thu nhập năm 2025 cao hơn năm 2024.

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án:

Từ năm 2024 Công ty đã thực hiện triển khai kết nối trụ bơm bán hàng, lắp đặt phần mềm xuất hóa đơn điện tử từng lần sau khi kết thúc giao dịch bán hàng đối với xăng dầu theo Nghị định 123/NĐ-CP của Chính phủ trên toàn hệ thống. Đồng thời, đầu tư trị bơm mới, nâng cấp sửa chữa cải tạo, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu để đảm bảo an toàn, đảm bảo các yêu cầu quản lý về đo lường, kiểm định PCCC, VSMT theo quy định.

4. Tình hình tài chính:

4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2024	Năm/Year 2025	% tăng giảm/ % <i>change</i>
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	280.125.742.663	277.781.200.890	99,16%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	1.650.630.322.645	1.435.303.651.317	86,95%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	23.392.898.709	27.933.229.849	119,41%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	329.257.879	13.632.727	4,14%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	23.722.156.588	27.946.862.576	117,81%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	18.805.950.349	22.046.148.333	117,23%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio (DOE)</i>	15%	17%	113,33%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year 2024	Năm/Year 2025	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) (Short term Asset/Short term debt)	1,70	1,85	lần
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn (Short term Asset - Inventories)/Short term Debt	1,49	1,71	lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	36,24%	34,11%	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	56,85%	51,85%	%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho / Inventory turnover: (Doanh thu thuần /Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory))	83,01	85,19	vòng
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	78,65	79,59	vòng
+ Vòng quay tổng tài Sản/Total asset turnover: Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Asset turnover ratio) (Net revenue/ AverageTotal Assets)	589,25%	516,70%	%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	1,14%	1,54%	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ Average total capital Ratio)	10,53%	12,05%	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Average Total assets Ratio)	6,71%	7,94%	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)	1,42%	1,95%	%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành : 11.291.459 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu phổ thông : 11.291.459 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu ưu đãi : 0 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành : 11.291.459
- Tổng số cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 26/11/2025:

HỌ TÊN / TỔ CHỨC SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN	Số lượng	%/VDL
I. Cá nhân	3.059.601	27.10%
<i>Trong nước</i>	<i>3.004.307</i>	<i>26.61%</i>
<i>Nước ngoài</i>	<i>55.294</i>	<i>0.49%</i>
II. Tổ chức	8.231.858	72.90%
<i>Trong nước</i>	<i>8.218.827</i>	<i>72.79%</i>
+ Trong đó : - STS	5.758.634	50,99%
- Saigon Petro (Cổ đông Nhà nước)	2.259.708	20,01%
- Khác	200.485	1.78%
<i>Nước ngoài</i>	<i>13.031</i>	<i>0,12%</i>
Tổng cộng	11.291.459	100,00%

• Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP nắm giữ	Tỷ trọng
1	Công ty CP Dịch Vụ Xăng Dầu Hàng Hải STS	Lầu 1, Số 102 Nguyễn Du, P. Bến Nghé, Q.1	5.758.634	50,99%
2	Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí TP. HCM	27 Nguyễn Thông, Q.3, TP. HCM	2.259.708	20,01%
3	Lê Trọng Hiếu		1.424.345	12,68%
		Tổng cộng	9.442.687	83.68%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Stt	Ngày cập nhật	Lý do	Số lượng	Gía trị	Ghi chú
1	13/09/2004	Đăng ký lần đầu	1.700.000	17.000.000.000	Cấp lần đầu
2	09/11/2007	Tăng vốn lần 1	1.700.000	17.000.000.000	
3	07/5/2009	Tăng vốn lần 2	1.189.950	11.899.500.000	
4	11/12/2009	Tăng vốn lần 3	3.618.665	35.196.650.000	
5	25/08/2010	Tăng vốn lần 4	2.161.763	21.617.630.000	
6	02/07/2013	Tăng vốn lần 5	1.021.081	10.210.810.000	
		Tổng cộng		112.914.590.000	

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Tồn đầu kỳ 01/10/2024 : 56.640 CP.
- Mua : 0 CP
- Bán : 56.640 CP
- Tồn cuối kỳ 30/09/2025 : 0 CP

e. Cổ tức:

- Thực hiện kế hoạch trả cổ tức năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024 phê chuẩn, Công ty thực hiện như sau:
- Tháng 12/2024 Công ty đã chi cổ tức bằng tiền tỷ lệ 15%/vốn điều lệ.
- Với kết quả lợi nhuận năm tài chính 2025, Hội đồng Quản trị lập tờ trình phân phối lợi nhuận, đề xuất chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt tỷ lệ 17%/vốn điều lệ.

f. Các chứng khoán khác:

Vốn Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác đến 30/09/2025 là 10.296.000.000 đồng.

- **Cty CP Cà Phê Petec:** Số lượng CP nắm giữ: 29.200 CP, trị giá đầu tư: 296.000.000 đồng; không chi cổ tức.
- **Cty CP Đầu tư & Phát triển Gia Định (GDI):** Số lượng CP: 625.000 CP, trị giá đầu tư 10 tỷ đồng; không chi cổ tức.

6. Báo cáo tác động đến Môi trường và xã hội của Công ty.

Xăng dầu là mặt hàng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân và đời sống của con người. Nhưng trong quá trình phân phối, xăng dầu ít nhiều đã gây ô nhiễm môi trường cũng như ảnh hưởng tới sức khỏe của con người, đây là mặt hàng rất dễ cháy nổ, gây nguy hiểm đến tính mạng và tài sản con người. Vì vậy Công ty đã đề ra những giải pháp nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo vệ sức khỏe cộng đồng về kiểm soát chất thải môi trường làm việc, thực hiện chính sách người lao động và trách nhiệm môi trường đối với cộng đồng theo quy định.

Quản lý và kiểm soát chất thải.

Công ty hướng dẫn kiểm soát chất thải để phân loại và ký hợp đồng với Công ty có đủ chức năng thu gom và xử lý chất thải theo quy định. Hướng dẫn NLĐ kiểm soát phân loại chất thải nhằm ngăn ngừa và giảm tối đa các phát sinh tác động đến môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp; đáp ứng tiêu chuẩn môi trường theo quy định.

Kiểm soát môi trường làm việc.

- Hàng năm, các CHXD triển khai diễn tập tình huống giả định về công tác PCCC – CNCH để NLĐ thuần thực thao tác và nâng cao ý thức trong hoạt động ngăn ngừa và ứng phó tình huống khẩn cấp.
- Định kỳ 06 tháng, Công ty mời đơn vị có thẩm quyền để kiểm tra các chỉ tiêu khí hậu, môi trường làm việc, chất thải, ... Kết quả được lập thành báo cáo “Bảo vệ môi trường” và gửi về cơ quan chức năng theo định kỳ hàng năm.
- Trong năm 2025, Công ty không có trường hợp xảy ra tai nạn lao động, không có NLĐ bị bệnh nghề nghiệp. Các chỉ số về môi trường làm việc được kiểm tra định kỳ và nằm trong giới hạn cho phép.
- Công ty luôn xây dựng kế hoạch trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho NLĐ theo Thỏa ước lao động tập thể, NLĐ được đào tạo kiến thức về an toàn vệ sinh lao động hàng năm.

Chính sách liên quan đến người lao động.

- Số lượng lao động năm 2025: 186 người; tiền lương bình quân của người lao động: 10,4 triệu đồng/người/tháng.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
- Năm 2025 số lao động được khám sức khỏe là 180 người; chi phí 160 triệu đồng.
- Phối hợp với Tổ chức công đoàn chăm lo Người lao động theo Thỏa ước lao động tập thể.
- Công ty mở các lớp đào tạo tập trung về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, ..., thời gian đào tạo bình quân đạt 56 giờ/người/năm. Ngoài ra, khối Công nhân bán hàng được đào tạo tại chỗ các kỹ năng bán hàng nhằm mục tiêu cải thiện kỹ năng ngày càng hiệu quả và chuyên nghiệp

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Tích cực hưởng ứng việc tuyên truyền công tác PCCC, ATVSLĐ – PCCN, phòng trào sinh sạch đẹp.

Công ty duy trì hỗ trợ phí nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng; tham gia ủng hộ các chương trình phát động ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng thiên tai do địa phương và cơ quan đoàn thể phát động.

III- BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

• Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm tài chính 2025 thị trường xăng dầu dầu thế giới và trong nước có nhiều biến động ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhưng với sự nỗ lực, chủ động của lãnh đạo, CBNV trong công tác tổ chức bán hàng, quản lý, đầu tư sửa chữa và đảm bảo an toàn các mặt, cùng với sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT, chính sách hỗ trợ tích cực của Công ty mẹ STS trong việc đảm bảo nguồn hàng. Công ty không đạt kế hoạch sản lượng, nhưng lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm tài chính 2025 (từ 01/10/2024 đến 30/9/2025):

- **Lợi nhuận trước thuế** thực hiện năm tài chính 2024: **27,947 tỷ đồng** bằng 106% so kế hoạch.
- **Lợi nhuận sau thuế** thực hiện năm tài chính 2025 là: **22,046 tỷ đồng**,
- **Khả năng sinh lời.**
 - Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) : **12,19 %**
 - Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA) : **7,9 %**
 - Thu nhập ròng trên một cổ phiếu (EPS) : **1.757 đồng.**

Các hoạt động kinh doanh:

a. Hoạt động Kinh doanh xăng dầu:

- Tổng sản lượng xăng dầu bán 85,028 triệu lít, đạt 95,5% so với kế hoạch 89 triệu lít, bằng 98% so với thực hiện cùng kỳ năm 2024.
- Tổng doanh thu xăng dầu: 1.413,23 tỷ đồng
- Lãi gộp xăng dầu năm tài chính 2025: 85,462 tỷ đồng, bình quân 1.005 đồng/lít (kế hoạch 952 đồng/lít).

b. Lợi nhuận trước thuế kinh doanh xăng dầu năm tài chính 2025: đạt 17,162 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch (do lãi gộp cao hơn kế hoạch), chiếm 61,4% tổng lợi nhuận.

c. Hoạt động kinh doanh dầu nhờn, dịch vụ khai thác mặt bằng:

- Tổng doanh thu: 22,075 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 6,211 tỷ đồng bằng 78% kế hoạch, chiếm 22,2% tổng lợi nhuận.

Lợi nhuận không đạt kế hoạch do đối tác Sài Gòn Co.op trả lại mặt bằng thuê tại 68/1 QL13 từ tháng 7/2025.

d. Hoạt động tài chính, khác:

- Lợi nhuận hoạt động tài chính đạt 4,574 tỷ đồng, chiếm 16,4% tổng lợi nhuận.
- Hoạt động đầu tư tài chính: Vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác đến 30/09/2025 là 10,296 tỷ đồng. Cụ thể các khoản đầu tư như sau:
 - CTCP Cà Phê Petec: Số lượng CP nắm giữ: 29.200 CP, trị giá đầu tư: 296.000.000 đồng, năm tài chính 2024 công ty không chia cổ tức. Trong năm, Công ty hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán theo quy định: 36,7 triệu đồng.
 - CTCP Đầu tư & Phát triển Gia Định: Số lượng CP: 625.000 CP, trị giá đầu tư: 10 tỷ đồng, năm tài chính 2024 công ty không chia cổ tức.

⇒ **Tổng lợi nhuận trước thuế Công ty năm tài chính 2025: 27,947 tỷ đồng đạt 106% kế hoạch và bằng 118% cùng kỳ năm tài chính 2024.**

Lợi nhuận vượt kế hoạch do: Lãi gộp xăng dầu cao hơn kế hoạch và công tác quản lý sử dụng vốn có hiệu quả.

e. Công tác đầu tư, cải tạo, sửa chữa.

Năm 2025 Công ty đã thực hiện công tác đầu tư trụ bom mới, sửa chữa, cải tạo, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị đáp ứng yêu cầu quản lý và bán hàng, đảm bảo an toàn các mặt và đảm bảo các yêu cầu về quản lý về đo lường, kiểm định PCCC, VSMT theo quy định.

Thay thế, bảo dưỡng và bổ sung hệ thống chiếu sáng tại các CHXD, trang bị nhận dạng thương hiệu CHXD4 và CHXD 20.

f. Về các dự án khai thác mặt bằng lớn:

- Dự án tại 1A Phạm Ngọc Thạch, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM: Công ty đang tiếp tục làm việc với Công ty Đô Thành - đối tác hợp tác kinh doanh, để phối hợp thực hiện thủ tục hoàn công Tòa nhà theo quy định và giải quyết những tồn tại trong hợp đồng HTKD đã ký kết.
- Siêu thị Co.op Mart Bình Triệu: Liên hiệp HTX thương mại TP.HCM (Saigon Co.op) đã đề nghị chấm dứt hợp đồng thuê tài sản từ tháng 7/2025 do gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh. Hiện nay, Công ty đang làm việc với SG Co.op để thanh lý hợp đồng.

g. Công tác khác:

Công tác quản lý điều hành được Công ty quan tâm chú trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Công ty cụ thể:

- Tổng hợp, rà soát, đánh giá tình hình quản lý sử dụng đất, tài sản để nâng cao hiệu quả trong khai thác, sử dụng.
- Công ty ban hành, sửa đổi, các quy chế, quy định liên quan đến công tác quản lý hàng hóa, công tác bán hàng, tổ chức lao động tiền lương, tổ chức kiểm tra, kiểm soát, nhằm đảm bảo công tác quản lý hiệu quả và năng suất lao động tăng.
- Đánh giá, bố trí, luân chuyển cán bộ, sắp xếp nhân sự phù hợp đảm bảo tinh gọn, hiệu quả.
- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, tổ chức đào tạo kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ, chất lượng hiệu quả công việc.
- Tăng cường quản lý hàng hóa, tiết kiệm các khoản chi phí theo kế hoạch HĐQT giao.
- Từ 01/10/2025, Công ty đã sắp xếp tổ chức hệ thống CHXD từ 18 CHKD thành 07 Khối kinh doanh bán hàng để công tác quản lý tập trung, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

• **Tình hình tài chính:**

a – Tổng Tài sản

Mã số		TÀI SẢN	Năm nay 30/09/2025	Năm trước 30/09/2024	So sánh (2025-2024)	SS Tốc độ (+/-)
100	A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	167.381.378.146	164.882.526.674	2.498.851.472	1,5%
110	I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	73.921.137.970	137.503.957.987	(63.582.820.017)	-46,2%
111	1.	Tiền	10.921.137.970	33.103.957.987	(22.182.820.017)	-67,0%
112	2.	Các khoản tương đương tiền	63.000.000.000	104.400.000.000	(41.400.000.000)	-39,7%
120	II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.000.000.000		70.000.000.000	
130	III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	8.885.023.218	5.911.881.820	2.973.141.398	50,3%
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.578.366.779	5.448.103.398	130.263.381	2,4%
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.412.414.400	125.000.000	1.287.414.400	1029,9%
136	3.	Phải thu ngắn hạn khác	1.894.242.039	338.778.422	1.555.463.617	459,1%
137	4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi				
140	IV.	Hàng tồn kho	13.275.963.935	20.419.999.975	(7.144.036.040)	-35,0%
141	1.	Hàng tồn kho	13.275.963.935	20.419.999.975	(7.144.036.040)	-35,0%
149	2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)				
150	V.	Tài sản ngắn hạn khác	1.299.253.023	1.046.686.892	252.566.131	24,1%
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	1.299.253.023	1.046.686.892	252.566.131	24,1%
153	2.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước				
200	B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	110.399.822.744	115.243.215.989	(4.843.393.245)	-4,2%
210	I.	Các khoản phải thu dài hạn	5.000.000	5.000.000	-	
216	1.	Phải thu dài hạn khác	5.000.000	5.000.000	-	
220	II.	Tài sản cố định	60.466.812.581	64.842.539.084	(4.375.726.503)	-6,7%
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	13.008.833.089	15.103.686.537	(2.094.853.448)	-13,9%
222		- Nguyên giá	68.326.334.226	67.436.188.141	890.146.085	1,3%

223		- Giá trị hao mòn lũy kế	(55.317.501.137)	(52.332.501.604)	(2.984.999.533)	5,7%
227	2.	Tài sản cố định vô hình	47.457.979.492	49.738.852.547	(2.280.873.055)	-4,6%
228		- Nguyên giá	69.157.880.865	68.963.880.865	194.000.000	0,3%
229		- Giá trị hao mòn lũy kế	(21.699.901.373)	(19.225.028.318)	(2.474.873.055)	12,9%
230	III.	Bất động sản đầu tư	33.787.871.414	35.016.616.742	(1.228.745.328)	-3,5%
231		- Nguyên giá	49.984.191.858	49.984.191.858	-	
232		- Giá trị hao mòn lũy kế	(16.196.320.444)	(14.967.575.116)	(1.228.745.328)	8,2%
240	IV.	Tài sản dở dang dài hạn	915.900.909	1.289.750.909	(373.850.000)	-29,0%
242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	915.900.909	1.289.750.909	(373.850.000)	-29,0%
250	V.	Đầu tư tài chính dài hạn	6.429.667.600	6.392.992.400	36.675.200	0,6%
253	1.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.296.000.000	10.296.000.000		
254	2.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(3.866.332.400)	(3.903.007.600)	36.675.200	-0,9%
260	VI.	Tài sản dài hạn khác	8.794.570.240	7.696.316.854	1.098.253.386	14,3%
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	4.899.428.041	4.263.963.827	635.464.214	14,9%
262	2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.895.142.199	3.432.353.027	462.789.172	13,5%
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN	277.781.200.890	280.125.742.663	(2.344.541.773)	-0,8%

Nhìn chung, tại thời điểm 30/09/2025 tổng tài sản giảm **2,345** tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm **0,8%** so thời điểm 30/09/2024 các chỉ tiêu tài sản biến động không đáng kể so với thời điểm 30/09/2024. Chi tiết như sau :

a.1 - **Tài sản ngắn hạn**: tăng 2,499 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng là 1,5 % chủ yếu là:

- Tiền và các khoản tương đương tiền: giảm 63,582 tỷ.
- Đầu tư tài chính ngắn hạn: tăng 70 tỷ
- Các khoản phải thu ngắn hạn: tăng 2,973 tỷ
- Hàng tồn kho và Tài sản ngắn hạn khác: giảm 6,892 tỷ

a.2 - **Tài sản dài hạn**: giảm 4,843 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 4,2% chủ yếu là:

- Tài sản cố định, BĐS đầu tư: giảm 5,941 tỷ, chủ yếu là giảm do khấu hao trong kỳ.
- Tài sản dài hạn khác: tăng 1,098 tỷ.

b – Tổng Nguồn vốn

Mã số		NGUỒN VỐN	Năm nay 30/09/2025	Năm trước 30/09/2024	So sánh (2025-2024)	SS Tốc độ (+/-)
300	C.	NỢ PHẢI TRẢ	94.760.209.240	101.531.332.588	(6.771.123.348)	-6,7%
310	I.	Nợ ngắn hạn	90.283.705.140	97.141.508.488	(6.857.803.348)	-7,1%
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	6.801.493.234	10.020.270.319	(3.218.777.085)	-32,1%
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	787.266.741	290.991.343	496.275.398	170,5%
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21.474.561.047	23.086.052.486	(1.611.491.439)	-7,0%
314	4.	Phải trả người lao động	6.938.575.028	7.384.227.972	(445.652.944)	-6,0%
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	693.452.561	377.062.171	316.390.390	83,9%
318	6.	Doanh thu chưa thực hiện	220.566.522	220.566.526	(4)	0,0%
319	7.	Phải trả ngắn hạn khác	20.825.614.486	21.163.576.100	(337.961.614)	-1,6%
320	8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	29.908.400.000	31.723.416.361	(1.815.016.361)	
322	9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.633.775.521	2.875.345.210	(241.569.689)	-8,4%
330	II.	Nợ dài hạn	4.476.504.100	4.389.824.100	86.680.000	2,0%
337	1.	Phải trả dài hạn khác	4.476.504.100	4.389.824.100	86.680.000	2,0%

342	2.	Dự phòng phải trả dài hạn				
400	D.	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	183.020.991.650	178.594.410.075	4.426.581.575	2,5%
410	I.	Vốn chủ sở hữu	183.020.991.650	178.594.410.075	4.426.581.575	2,5%
411	1.	Vốn đầu tư chủ sở hữu	112.914.590.000	112.914.590.000		
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần	9.243.168.730	9.220.495.600	22.673.130	0,2%
415	3.	Cổ phiếu quỹ		(1.414.603.444)	1.414.603.444	-100%
418	4.	Quỹ đầu tư phát triển	39.398.471.894	39.398.471.894		
421	5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.464.761.026	18.475.456.025	2.989.305.001	16,2%
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	277.781.200.890	280.125.742.663	(2.344.541.773)	-0,8%

Phân tích Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: tại thời điểm 30/09/2025 các khoản nợ ngắn hạn, dài hạn biến động không đáng kể so với thời điểm 30/09/2024.

Tổng nợ phải trả đến thời điểm 30/09/2025: giảm **6,771 tỷ đồng** tương ứng với tỷ lệ giảm **6,7%** so với cùng thời điểm 30/09/2024 chi tiết như sau:

b.1- **Nợ ngắn hạn**: giảm 6,857 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ giảm là 7,1% cụ thể như sau:

- Các khoản phải trả người bán, phải trả ngắn hạn khác: giảm 2,744 tỷ đồng
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: giảm 1,61 tỷ đồng
- Nợ vay ngắn hạn: giảm 1,8 tỷ đồng.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi, phải trả người lao động giảm hơn 687 triệu đồng.

b.2 - **Nợ dài hạn**: tăng 86,7 triệu đồng

• **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:**

Tập trung xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty được tiến hành bài bản, chính quy, an toàn và hiệu quả. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, nhắc nhở các đơn vị nghiêm túc thực hiện các quy trình, quy định, hướng dẫn... nhằm giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.

Tổ chức cơ cấu các chức năng nhiệm vụ các phòng gồm: Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Kế toán – Tài chính; Phòng Công nghệ - Đầu tư.

Tổ chức kiểm tra kiểm soát chất lượng xăng dầu trong toàn bộ hệ thống phân phối của Công ty từ khâu giao nhận, vận chuyển, tồn chứa và hoạt động kinh doanh trên thị trường, nhằm bảo đảm chất lượng xăng dầu theo quy định.

Công tác kiểm soát chi phí: HĐQT giám sát việc thực hiện chi phí công ty thông qua việc giao định mức chi phí cho hoạt động kinh doanh, đảm bảo tiết kiệm, hợp lý phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty.

• **Kế hoạch phát triển:**

Năm tài chính 2025, Hội đồng Quản trị đã cùng Ban điều hành phân tích những thuận lợi và khó khăn, cơ hội và thách thức đối với Công ty để xây dựng định hướng chiến lược cho những năm tiếp theo, nhằm đạt mục tiêu phát triển lâu dài Công ty thông qua tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của mình.

a. Kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2025:

- Tổng lợi nhuận trước thuế : 26,374 tỷ đồng.
- Tỷ lệ Cổ tức dự kiến tối thiểu : 12 % trên vốn điều lệ.

b. Các biện pháp thực hiện

- Cung cấp hàng hoá xăng dầu đúng về chất lượng, đủ về số lượng, minh bạch rõ ràng đảm bảo thực hiện đúng theo các quy định của Nhà nước. Chú trọng công tác chăm sóc tốt các

khách hàng hiện hữu, phát triển thêm nhiều khách hàng mới bằng nhiều chính sách bán hàng linh hoạt phù hợp với tình hình thị trường.

- Ứng dụng đầu tư công nghệ trong hoạt động chung của Công ty, đặc biệt là trong công tác quản lý, công tác bán hàng nhằm tiết giảm chi phí, tăng năng suất lao động, đồng thời mang đến cho khách hàng tiện ích mới, tối ưu góp phần tăng tính cạnh tranh và hình ảnh Công ty.
- Tổ chức ca bán hàng với số lượng lao động hợp lý, bố trí giờ bán hàng phù hợp và chú trọng tăng cường lao động bán hàng vào giờ cao điểm để phục vụ tốt khách hàng.
- Đầu tư cải tạo, sửa chữa, thay mới cột bơm các Cửa hàng Kinh doanh xăng dầu khang trang, sạch đẹp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng sản lượng bán ra.
- Tận dụng, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất hiện có để tăng doanh thu mảng dịch vụ mặt bằng của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật.
- Xây dựng bổ sung và sửa đổi để ban hành các quy chế, quy định, quy trình phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị; Thực hiện và giám sát một cách triệt để các quy trình quy định của Công ty, đảm bảo tuyệt đối về công tác an toàn PCCC, chất lượng hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng. Đảm bảo tất cả các hoạt động của Công ty phải được giám sát, kiểm tra tuân thủ đúng, đủ các quy trình, quy định của Công ty và các cơ quan quản lý Nhà nước; phát huy vai trò kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn các đơn vị thực hiện của các phòng chức năng Công ty;
- Sắp xếp bộ máy tổ chức hoạt động Công ty tinh gọn, đảm bảo sự phù hợp, hiệu quả trong quản lý. Chú trọng công tác tuyển dụng, tổ chức đào tạo bồi dưỡng cho Cán bộ lãnh đạo, nhân viên nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng bán hàng, đảm bảo việc quản trị công ty hiệu quả, quản lý và phục vụ khách hàng tốt nhất;
- Kiểm soát tốt chi phí hoạt động kinh doanh HĐQT giao.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Hội đồng Quản trị họp định kỳ hàng quý. Trong những phiên họp của HĐQT có sự tham gia của Ủy ban kiểm toán, Ban điều hành Công ty. Hội đồng Quản trị đã xem xét, đánh giá hoạt động của Công ty để kịp thời đưa ra những quyết định, chỉ đạo Tổng Giám Đốc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch, triển khai thực hiện các dự án và giải quyết các báo cáo, tờ trình, kiến nghị của Ban điều hành cũng như các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Thực hiện trả cổ tức năm tài chính 2024 bằng tiền mặt theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên là 15 % /VĐL.
- Năm tài chính 2025, do tình hình kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Công ty đã đạt được kết quả nhất định, đảm bảo an toàn các mặt, chấp hành tốt các quy định của Nhà nước và các nghị quyết của HĐQT.
- Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty đã góp phần nâng cao trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường.
 - + Người lao động được đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định.
 - + Tạo ra môi trường làm việc lành mạnh, gắn kết người lao động với công ty thành một khối lợi ích không thể tách rời nhằm nâng cao hiệu suất lao động, sử dụng hiệu quả

nguồn lực có sẵn.

+ Hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng góp Ngân sách Nhà nước.

+ Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban điều hành:

- Hội đồng Quản trị chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua các Nghị quyết; đồng thời từ tháng 2/2025 Chủ tịch HĐQT trở thành Đại diện pháp luật của Công ty và trực tiếp làm việc tại Công ty để giải quyết những vướng mắc, khó khăn.
- Định kỳ, Hội đồng Quản trị yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo tình hình quản lý, quản trị và điều hành Công ty, những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh và chỉ đạo các công việc liên quan đến thực hiện Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Hoạt động của Ban điều hành đều tuân thủ theo pháp luật, điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị:

- Tình hình kinh tế chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp. Thị trường xăng dầu Thế giới và Việt Nam có nhiều biến động. Vì vậy Công ty tập trung thực hiện một số nội dung:
- Tập trung phát triển kinh doanh xăng dầu, phát triển các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, phát triển kinh doanh dịch vụ.
- Đánh giá, điều chỉnh bổ sung những chính sách phát triển kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế để thu hút khách hàng.
- Đầu tư khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật để gia tăng lợi thế cạnh tranh.
- Tiếp tục công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực luôn đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty, đáp ứng nhu cầu thay thế và bổ sung cán bộ. Tiếp tục xây dựng đội ngũ bán hàng với phong cách phục vụ chuyên nghiệp, ứng xử văn minh lịch sự.
- Gia tăng lợi ích cho người lao động, Cổ đông và lợi ích cho cộng đồng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng Quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị:

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập. Cụ thể như sau:

Stt	Thông tin cá nhân	Chức danh tại SFC	Chức danh QL, CP tại Công ty khác
1	- Họ tên: Lê Trọng Hiếu - Năm sinh: 1968 - Trình độ: Cử nhân kinh tế	Chủ tịch HĐQT	- Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty CP xăng dầu và dịch vụ hàng hải S.T.S: Sở hữu: 255.000 cổ phần, tương đương 85%. - Thành viên HĐQT - Công ty XNK Thanh Lễ: Sở hữu: 11.724.000 cổ phần, tương đương 4,96%.
2	- Họ tên: Vũ Hùng - Năm sinh: 1971	Thành viên HĐQT	- Phó quản đốc Phân xưởng LPG Công ty TNHH MTV Dầu khí

	Trình độ: Cử nhân QTKD		TP.HCM
3	- Họ tên: Trịnh Bá Bộ - Năm sinh: 1960 - Trình độ: Kỹ sư cơ khí	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	- Thành viên HĐQT Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.
4	- Họ tên: Nguyễn Văn Khoa - Năm sinh: 1962 - Trình độ: Cử nhân TCKT	Thành viên HĐQT – Chủ tịch UBKT	
5	- Họ tên: Nguyễn Tuấn Hải - Năm sinh: 1963 - Trình độ: Chỉ huy tàu bay	Thành viên HĐQT	- Người chỉ huy tàu bay Boeing B-787 Đoàn bay 919 Tổng công ty hàng không VN

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng Quản trị đã thực hiện họp định kỳ hàng quý và đột xuất để đánh giá thực hiện kế hoạch và chỉ đạo định hướng phát triển Công ty. Trong năm tài chính 2025, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 22 cuộc họp trực tiếp, trao đổi bằng Email và ban hành 35 Nghị quyết. Trong những phiên họp của HĐQT có sự tham gia của Ủy ban Kiểm toán, Ban Điều hành Công ty. Hội đồng Quản trị đã xem xét, đánh giá hoạt động của Công ty đề kịp thời đưa ra những quyết định và chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch được giao, giải quyết các báo cáo, tờ trình, kiến nghị của Ban điều hành cũng như các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch theo đúng quy định về công bố thông tin định kỳ, bất thường, các báo cáo tài chính hàng quý, giữa niên độ và năm. Báo cáo tài chính kiểm toán, báo cáo thường niên được công bố trên trang website của Công ty.

Nội dung chính các cuộc họp Hội đồng Quản trị:

Số TT	Số Nghị quyết	Ngày NQ	Nội dung Nghị quyết
1	15/2024/NQ-NLSG	29/10/2024	1-/Duyệt quyết toán quỹ tiền lương xăng dầu thực hiện kế hoạch năm tài chính 2024: 23,667,532,260 đồng (<i>Hai mươi ba tỷ, sáu trăm sáu mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi hai ngàn, hai trăm sáu mươi đồng chẵn</i>). 2-/Trích bổ sung quỹ tiền lương tháng 13 năm tài chính 2024 cho CBCNV đang làm việc tại Công ty bằng 02 tháng lương bình quân được thực hiện năm 2024, tương đương tổng số tiền là: 3,836,582,336 đồng (<i>Ba tỷ, tám trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi hai ngàn, ba trăm ba mươi sáu đồng chẵn</i>). 3-/Quyết toán mức lương TGD theo tỷ lệ % sản lượng thực hiện đạt được năm tài chính 2024 là 101% so với kế hoạch, tương đương tổng số tiền là: 848.400.000 đồng/năm (<i>Tám trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm đồng chẵn</i>).
2	16/2024/NQ-NLSG	29/10/2024	Giao các chỉ tiêu chính kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2025 như sau: - Tổng lợi nhuận trước thuế: 26,374 tỷ đồng - Chia cổ tức tối thiểu : 12 %/VDL.
3	16a/2024/NQ - NLSG	29/10/2024	Thông qua chủ trương đầu tư cột bơm xăng dầu tại các CHKD

4	17/2024/NQ-NLSG	29/10/2024	Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và chi tạm ứng cổ tức năm tài chính 2024: a. Thời gian chốt danh sách cổ đông được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên và chi tạm ứng cổ tức năm tài chính 2024 là ngày 25/11/2024. b. Dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2024: - Thời gian thực hiện: Dự kiến thứ 4, ngày 25/12/2024. - Địa điểm tổ chức: Khách sạn Tân Sơn Nhất, 200 Hoàng Văn Thụ, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP.HCM. c. Tạm ứng cổ tức: 15%/vốn điều lệ (01 cổ phiếu được nhận 1,500 đồng); - Hình thức chi trả: bằng tiền. - Ngày thanh toán: 16/12/2024
5	18/2024/NQ-NLSG	29/10/2024	Nội dung cơ bản trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2024: 1-/Báo cáo của HĐQT và kết quả kinh doanh năm tài chính 2024 đã được kiểm toán. Kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2025. Hoạt động của UBKT. <i>(đính kèm dự thảo)</i>. 2-/Tờ trình số 1: Phân phối lợi nhuận năm tài chính 2024. 3-/Tờ trình số 2: Các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2025. 4-/Tờ trình số 3: Báo cáo việc chọn Công ty kiểm toán BCTC năm tài chính 2024; - Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán dưới đây để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025: 5-/Tờ trình số 4: Chấp thuận chọn đơn vị ký hợp đồng mua xăng dầu năm 2025. 6-/Tờ trình số 6: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty tại điểm 1 Điều 3, Người đại diện Pháp luật của Công ty gồm: Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc.
6	19/2024/NQ-NLSG	29/10/2024	1- Sửa đổi, bổ sung Quy chế tiền lương – Khen thưởng Công ty SFC. 2- Hiệu lực áp dụng: Ngày 01/10 /2024.
7	21/2024/NQ-NLSG	06/11/2024	Phê duyệt phương án bán cổ phiếu quỹ: 1. Tổng số lượng cổ phiếu quỹ hiện có: 56.640 cổ phiếu. 2. Tổng số lượng đăng ký bán: 56.640 cổ phiếu. 3. Mục đích bán cổ phiếu quỹ: Bổ sung vốn lưu động 4. Thời gian dự kiến giao dịch: Quý IV/2024 đến Quý I/2025. 5. Phương thức giao dịch: Thỏa thuận và/hoặc khớp lệnh trên sàn HOSE. 6. Giá (khoảng giá): Theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch và dự kiến không thấp hơn 26.000 đồng/cổ

			phiếu. 7. Công ty chứng khoán được chỉ định làm đại lý thực hiện giao dịch bán cổ phiếu quỹ: Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
8	22/2024/NQ-NLSG	18/11/2024	1. Tổ chức kinh doanh mặt hàng Diezen 0,001S-V (DO V) tại các cửa hàng kinh doanh xăng dầu trực thuộc Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn. 2. Thời gian thực hiện: Tháng 12/2024.
9	23/2024/NQ-NLSG	18/11/2024	Chọn địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2024 như sau: 1. Địa điểm: Victoy Hotel, 14 Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM. 2. Thời gian thực hiện: Ngày 25/12/2024.
10	24/2024/NQ – NLSG	02/12/2024	Bổ nhiệm chức danh Phó TGD đối với Bà Bùi Hoài Châu.
11	25/2024/NQ-NLSG	03/12/2024	Bộ tài liệu trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2024 như sau: 1. Thư mời cổ đông; 2. Chương trình ĐHĐCĐ; 3. Danh sách Chủ tọa đoàn, thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu; 4. Dự thảo Quy chế làm việc và biểu quyết; 5. Báo cáo của HĐQT và kết quả kinh doanh năm tài chính 2024 đã được kiểm toán. Kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2025. Hoạt động của UBKT; 6. Báo cáo của thành viên độc lập HĐQT; 7. Tờ trình số 1: Thông qua BCTC kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm tài chính 2024; 8. Tờ trình số 2: Các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2025; 9. Tờ trình số 3: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025; 10. Tờ trình số 4: Chấp thuận chọn đơn vị ký hợp đồng mua xăng dầu năm 2025; 11. Tờ trình số 5: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; 12. Tờ trình số 6: Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty; 13. Tờ trình số 7: Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; 14. Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024.
12	26/2024/NQ-NLSG	12/12/2024	Thông qua Hạn mức cấp tín dụng tại Ngân hàng và đồng ý với tất cả các điều kiện tín dụng của Ngân hàng với các nội dung cơ bản như sau: a) Hạn mức tín dụng là: 50.000.000.000 VND Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng.

			Trong đó: - Hạn mức vay: 50.000.000.000 VNĐ, thời hạn cấp tín dụng: tối đa 4 tháng. b) Mục đích: Vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. c) Thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng và tối đa thêm 3 tháng nếu được Ngân hàng chấp thuận gia hạn. d) Biện pháp bảo đảm là: không có.
13	01/2025 NQ-NLSG	06/01/2025	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp
14	02/2025 NQ-NLSG	16/01/2025	Thông qua nội dung các điều khoản chính ký hợp đồng mua xăng dầu và chấp thuận đơn vị cung cấp xăng dầu năm 2025.
15	03/2025/NQ-NLSG	16/01/2025	Trích bổ sung Quỹ lương - Bổ sung quỹ lương từ nguồn quản lý hàng hóa: 345.816.450 đồng. - Bổ sung Quỹ lương khuyến khích bán xăng Ron 97 và khách hàng ký hợp đồng sản lượng: 195.679.813 đồng.
16	05/2025/NQ-NLSG	23/01/2025	Về việc dừng phương án bán cổ phiếu quỹ.
17	06/2025/NQ-NLSG	12/02/2025	Ký hợp đồng với Công ty CP Dầu nhờn S.T.S
18	07/2025/NQ-NLSG	14/02/2025	Tiếp tục thực hiện phương án bán cổ phiếu quỹ.
19	08/2025/NQ- NLSG	14/02/2025	Ban hành quy định phân công của các Chức danh đại diện pháp luật.
20	09/2025/NQ-NLSG	26/02/2025	Thông qua điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy tổ chức quản lý, điều hành Công ty SFC
21	10/2025/NQ-NLSG	28/02/2025	Ban hành Quy chế Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành; Quy chế quản lý tài chính – Đầu tư Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn.
22	11/2025/NQ-NLSG	05/03/2025	Lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán năm tài chính 2025.
23	12/2025/NQ-NLSG	10/4/2025	Phân công/ủy quyền cho Ông Trịnh Bá Bộ - Tổng giám đốc làm người đại diện của Công ty trực tiếp làm việc với Công ty Đô Thành.
24	13/2025/NQ-NLSG	23/4/2025	Phương án thanh quyết toán Hợp đồng HTKD ký ngày 09/7/2013 giữa Công ty SFC và Công ty Đô Thành.
25	14/2025/NQ-NLSG	23/4/2025	Trích bổ sung tăng Quỹ tiền lương năm 2025 đối với CNXD 5 đồng/lít (445.000.000 đồng).
26	15/2025/NQ-NLSG	18/6/2025	Thông qua chủ trương đàm phán việc chấm dứt hợp đồng thuê tài sản với Liên hiệp HTX thương mại TP.HCM (Sài Gòn Co.op)
27	16/2025/NQ-NLSG	19/6/2025	Chấp thuận ký hợp đồng ủy thác bán Dầu nhờn với Công ty TNHH MTV Dầu nhờn Biển Việt.
28	17/2025/NQ-NLSG	25/6/2025	Thông qua vay vốn, bảo lãnh, mở thư tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. 1. Giới hạn tín dụng (gồm vay vốn, bảo lãnh, mở thư tín dụng) giá trị tối đa 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng). - Giới hạn cho vay: 50.000.000.000 đồng - Giới hạn mở thư tín dụng: 50.000.000.000 đồng

			- Giới hạn bảo lãnh: 20.000.000.000 đồng. 2. Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở thư tín dụng. Thời gian duy trì hạn mức: 12 tháng.
29	18/2025/NQ-NLSG	30/6/2025	Thay thế Người phụ trách quản trị nội bộ, Công bố thông tin và Thư lý HĐQT.
30	19/2025/NQ - NLSG	25/7/2025	Nội dung liên quan việc thanh toán để chấm dứt Hợp đồng thuê tài sản của Sai gon Coop.
31	20/2025/NQ - NLSG	01/8/2025	Việc tạm ứng thù lao hàng tháng của Chủ tịch HĐQT.
32	21/2025/NQ - NLSG	13/8/2025	Chấp thuận ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty Luật TNHH MTV Tín Nghĩa
33	22/2025/NQ - NLSG	18/8/2025	Chấp thuận cho Công ty nhận cấp tín dụng của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Hình thức cấp tín dụng: Ngắn hạn, tuần hoàn - Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động - Số tiền cấp tín dụng: 60.000.000.000 đồng - Thời hạn cấp tín dụng: 01 năm. - Tài sản đảm bảo: Không
34	23/2025/NQ - NLSG	22/9/2025	Phê duyệt và ban hành các văn bản, tài liệu áp dụng từ 01/10/2025. - Phương án sắp xếp hệ thống CHKD. - Quy Chế Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành Công ty. - Quy chế tiền lương – Khen thưởng - Quy chế kiểm toán nội bộ
35	24/2025/NQ - NLSG	29/9/2025	Bổ nhiệm cán bộ Công ty: Ông Lê Tuấn Vũ giữ chức vụ Phó tổng giám đốc Công ty từ 01/10/2025.

c. Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập

- Đánh giá về giao dịch liên quan đến người nội bộ và người có liên quan, trong năm 2025:
 - Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: **Không có**
 - Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do Công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: **Không có**.
 - Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:
 - Giao dịch giữa Công ty với các Công ty mà thành viên HĐQT, thành viên UBKT, TGD đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, TGD điều hành.

Trong năm tài chính 2025, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 02/2025/NQ-NLSG về việc chấp thuận ký hợp đồng mua xăng dầu với Công ty Cổ phần và Dịch vụ Hàng hải S.T.S, theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024. Hợp đồng giao dịch liên quan đến người nội bộ của Công ty là Ông Lê Trọng Hiếu chủ tịch HĐQT, để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Các hoạt động trên đều đã được Công ty thực hiện công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn, đúng thẩm quyền phê duyệt và đúng hạn mức giao dịch theo quy định nội bộ và quy định pháp luật.
- Giao dịch giữa công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, TGD điều hành là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành: **không có**.

- Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: **không có**.

d. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy Ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và thư ký Công ty đã có chứng chỉ đào tạo quản trị Công ty: là 5/6 người.

2. Ủy Ban kiểm toán:

a. Thành viên và cơ cấu của Ủy Ban Kiểm toán:

- Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội Đồng Quản trị Công ty gồm 01 Chủ tịch và 01 Thành viên. HĐQT phân công Ông Nguyễn Văn Khoa - Thành viên độc lập HĐQT làm chủ tịch và Ông Vũ Hùng là thành viên UBKT.

b. Hoạt động của Ủy Ban kiểm toán:

Trong năm tài chính 2025, Ủy Ban kiểm toán tổ chức 02 cuộc họp và thực hiện làm việc định kỳ hàng tháng, quý với các bên liên quan, đã thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính, giám sát hoạt động của Kiểm toán độc lập, hoàn thiện hệ thống kiểm soát và hiệu quả hoạt động của Ủy Ban Kiểm toán và thực hiện các công việc trọng tâm sau đây:

- Thu thập thông tin, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm soát, phân tích Báo cáo tài chính định kỳ, đảm bảo tính kịp thời và có chất lượng.
- Thực hiện thẩm định, phân tích, đánh giá về tình hình, kết quả kinh doanh và công tác quản trị doanh nghiệp theo định kỳ.
- Tham gia rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình quản lý, ... về quản trị nội bộ Công ty.
- Tham gia ý kiến trong việc tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD.
- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động về quản lý tài sản, quản lý việc sử dụng vốn trong kinh doanh và thực thi các quy định đúng theo nội quy Công ty và quy định quản lý của luật pháp.
- Kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán, bảo quản tài sản, hàng hóa, kinh doanh dịch vụ, công nợ, tiền hàng tại các CHXD của Công ty.
- Thực hiện các công việc có liên quan khác của Công ty.
- Ủy Ban Kiểm Toán ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của Ban điều hành cũng như các bộ phận quản lý của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Công tác kiểm tra của Ủy Ban Kiểm Toán được thực hiện đầy đủ, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời các hoạt động để giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành và hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Thẩm định và soát xét báo cáo tài chính hàng quý, năm.

❖ Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2025:

- ✓ **Về cổ tức năm 2024:** Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt 16.852.228.500 đồng (tương ứng 15%/VĐL) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 27/2024/NQ-NLSG ngày 25/12/2024.
- ✓ **Về việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu:**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm tài chính 2025 đạt **27,947 tỷ đồng** bằng 106% so kế hoạch **26,374 tỷ đồng, tăng 1,573 tỷ đồng** (tỷ lệ tăng 6%) so với kế hoạch.
- ✓ Thù lao HĐQT là 1.880.500.000 đồng, mức chi bằng 125,8% so với kế hoạch 1.494.000.000 đồng.

✓ Về việc chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025.

Được sự ủy quyền của Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2024, Ngày 05/3/2025 Hội đồng quản trị đã họp và ban hành Nghị quyết số 11/2025/NQ-NLSG về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ngày 24/03/2025 Công ty đã ký kết hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính 2025 số: 11540929_O-5433830_E-67739497_0000_EL với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam mức phí là 375.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế VAT).

✓ Về việc chấp thuận hợp đồng mua xăng dầu:

Thực hiện Nghị quyết số 27/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 của ĐHĐCĐ về việc thông qua tờ trình chấp thuận ký hợp đồng mua xăng dầu. Ngày 16 tháng 01 năm 2025, HĐQT họp và ban hành Nghị quyết số 02/2025/NQ-NLSG của HĐQT, thống nhất các tiêu chí để đàm phán nội dung và lựa chọn đơn vị ký hợp đồng mua xăng dầu là **Công ty cổ phần Xăng Dầu và Dịch vụ Hàng Hải STS** cụ thể như sau:

- Nguồn hàng: Đáp ứng nhu cầu kinh doanh của Công ty SFC.
 - Chất lượng: Đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn Việt nam (TCVN).
 - Giá mua xăng dầu: Mức chiết khấu giảm giá so với giá bán lẻ theo thị trường, đảm bảo bình quân của năm 2025 tối thiểu là: 750 đồng/ lít (chưa bao gồm thuế VAT).
 - Hạn mức nợ: Theo nhu cầu mua hàng của SFC với hình thức Tín chấp.
 - Thời hạn thanh toán: Thời hạn thanh toán chậm trả tối đa 03 ngày kể từ ngày mua hàng.
 - Điều kiện khác: Được gửi lại hàng tại kho nhà cung cấp khi SFC có nhu cầu và không tính phí lưu kho. Thuận lợi trong quá trình giao nhận hàng của SFC đảm bảo hiệu quả phục vụ kinh doanh.
 - Thời hạn ký hợp đồng mua xăng dầu: từ 20/01/2025 đến 30/01/2026.
- ⇒ Kết quả thực hiện hợp đồng:
- Sản lượng xăng dầu : 84.365 m³
 - Giá trị mua xăng dầu : 1.320,7 tỷ đồng
 - Chiết khấu bình quân : 879 đ/lít xăng dầu (chưa bao gồm VAT).
 - Các nội dung khác : Thực hiện đúng theo Hợp đồng đã ký.

a. **Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2025:** (đơn vị tính: đồng)

TÀI SẢN	Mã	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ	TĂNG (+) /GIẢM (-)	TỶ LỆ %
1	2	3	3	5=3-4	6=3/4
TÀI SẢN					
Tài sản ngắn hạn	100	167.381.378.14 6	164.882.526.67 4	2.498.851.472	101,5%
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	73.921.137.970	137.503.957.98 7	(63.582.820.017)	53,8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	70.000.000.000		70.000.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	8.885.023.218	5.911.881.820	2.973.141.398	150,3%
Hàng tồn kho	140	13.275.963.935	20.419.999.975	(7.144.036.040)	65,0%
Tài sản ngắn hạn khác	150	1.299.253.023	1.046.686.892	252.566.131	124,1%
Tài sản dài hạn	200	110.399.822.74 4	115.243.215.98 9	(4.843.393.245)	95,8%
Phải thu dài hạn khác	210	5.000.000	5.000.000		100,0%

Tài sản cố định	220	60.466.812.581	64.842.539.084	(4.375.726.503)	93,3%
Bất động sản đầu tư	230	33.787.871.414	35.016.616.742	(1.228.745.328)	96,5%
Tài sản dở dang dài hạn	240	915.900.909	1.289.750.909	(373.850.000)	71,0%
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.429.667.600	6.392.992.400	36.675.200	100,6%
Tài sản dài hạn khác	260	8.794.570.240	7.696.316.854	1.098.253.386	114,3%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	277.781.200.890	280.125.742.663	(2.344.541.773)	99,2%
NGUỒN VỐN					
Nợ phải trả	300	94.760.209.240	101.531.332.588	(6.771.123.348)	93,3%
Nợ ngắn hạn	310	90.283.705.140	97.141.508.488	(6.857.803.348)	92,9%
Nợ dài hạn	330	4.476.504.100	4.389.824.100	86.680.000	102,0%
Vốn chủ sở hữu	400	183.020.991.650	178.594.410.075	4.426.581.575	102,5%
Vốn đầu tư chủ sở hữu	411	112.914.590.000	112.914.590.000		100,0%
Thặng dư vốn cổ phần	412	9.243.168.730	9.220.495.600	22.673.130	100,2%
Cổ phiếu quỹ	415	0	(1.414.603.444)	1.414.603.444	0,0%
Quỹ đầu tư phát triển	418	39.398.471.894	39.398.471.894		100,0%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21.464.761.026	18.475.456.025	2.989.305.001	116,2%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	277.781.200.890	280.125.742.663	(2.344.541.773)	99,2%

b. Về báo cáo kết quả kinh doanh năm tài chính 2025 (đơn vị tính: đồng)

CHỈ TIÊU	Mã số	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	TĂNG (+) /GIẢM (-)	TỶ LỆ %
1	2	3	3	5=3-4	6=3/4
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.435.402.844.680	1.650.714.013.262	(215.311.168.582)	87,0%
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(99.193.363)	(83.690.617)	(15.502.746)	118,5%
Doanh thu thuần	10	1.435.303.651.317	1.650.630.322.645	(215.326.671.328)	87,0%
Giá vốn hàng bán	11	1.340.985.378.625	1.564.101.799.409	(223.116.420.784)	85,7%
Lợi nhuận gộp	20	94.318.272.692	86.528.523.236	7.789.749.456	109,0%
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.956.038.658	3.364.750.479	2.591.288.179	177,0%
Chi phí tài chính	22	1.378.096.738	888.486.069	489.610.669	155,1%
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	1.394.888.062	824.457.045	570.431.017	169,2%
Chi phí bán hàng	25	52.760.860.385	53.336.578.818	(575.718.433)	98,9%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18.202.124.378	12.275.310.119	5.926.814.259	148,3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	27.933.229.849	23.392.898.709	4.540.331.140	119,4%
Thu nhập khác	31	13.841.826	392.174.813	(378.332.987)	3,5%
Chi phí khác	32	209.099	62.916.934	(62.707.835)	0,3%
Lợi nhuận khác	40	13.632.727	329.257.879	(315.625.152)	4,1%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	27.946.862.576	23.722.156.588	4.224.705.988	117,8%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.363.503.415	5.378.995.411	984.508.004	118,3%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	462.789.172	462.789.172	0	100,0%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	22.046.148.333	18.805.950.349	3.240.197.984	117,2%

2. Nhân xét và kết luận chung về Báo cáo tài chính năm tài chính 2025:

- Báo cáo tài chính năm 2025 đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn và được trình bày theo đúng quy định của Bộ tài chính. Việc sắp xếp, lưu trữ gọn gàng đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát.
- Báo cáo tài chính năm tài chính 2025 của Công ty đã phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý tình hình kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/09/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ được trình bày theo đúng quy định của Bộ tài chính. Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý hiện hành. Sổ sách, chứng từ, báo cáo tài chính rõ ràng, số liệu chính xác. Công tác quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn, công nợ chặt chẽ, thực hiện theo đúng quy định. Công tác kê khai và nộp thuế đầy đủ không để xảy ra các vi phạm. Việc sắp xếp, lưu trữ gọn gàng đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát.
- Về việc công bố thông tin: Công ty đã thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin định kỳ trên sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định.

3. Kết quả giám sát đối với thành viên Ban Tổng Giám đốc

- Các thành viên Ban điều hành đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty qui định; đã tổ chức quản lý và điều hành Công ty thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản lượng, lợi nhuận trước thuế năm tài chính 2025 và Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2024.
- Trong năm tài chính 2025 định kỳ Ban Tổng Giám đốc đều tổ chức họp giao ban mở rộng với các trưởng đơn vị trực thuộc. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT và Đại hội cổ đông đều được trình theo đúng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Nhận xét đánh giá sự phối hợp giữa Ủy Ban Kiểm toán với Ban Tổng Giám đốc:

- Ủy Ban Kiểm toán được cung cấp tài liệu đầy đủ và mời tham dự các cuộc họp định kỳ do Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chủ trì để giám sát và tham gia ý kiến các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Công ty. Đồng thời Ủy Ban kiểm toán cũng thường xuyên phản hồi đến HĐQT và Ban Tổng Giám đốc về kết quả kiểm tra, hoạt động của mình và đề nghị các cấp quản lý có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ, tuân thủ các qui định pháp lý, điều lệ, quy chế của Công ty.
- Nhìn chung những ý kiến đóng góp và phản hồi của Ủy Ban Kiểm toán với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý về hoạt động kinh doanh, đầu tư tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản đều được trao đổi thẳng thắn, công khai.

5. Kiến nghị của Ủy Ban kiểm toán:

Ủy Ban kiểm toán đề nghị Hội Đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính 2025 cần tập trung một số công việc sau:

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty, trong đó cần tập trung về công tác bán hàng, công nợ, phòng chống cháy nổ tại các CHXD.

- Nâng cao phong tác, ý thức người lao động trong việc bán hàng nhằm tạo niềm tin cho người tiêu dùng đối với thương hiệu của Công ty;

6. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích: của thành viên HĐQT và BTGD:

a. Thù lao của HĐQT (bao gồm thuế thu nhập cá nhân): 1.880.500.000 đ/năm.

Trong đó:

- Ông Lê Trọng Hiếu – Chủ tịch HĐQT : 760.000.000 đồng/năm.
- Ông Vũ Hùng – Thành viên HĐQT : 252.000.000 đồng/năm
- Ông Nguyễn Văn Khoa – TV HĐQT, CT UBKT: 292.500.000 đồng/năm
- Ông Trịnh Bá Bộ - TV HĐQT, TGD : 1.095.000.000 đồng/năm
- Ông Nguyễn Tuấn Hải – TV HĐQT : 252.000.000 đồng/năm

b. Thu nhập của Ban điều hành:

- Bà Bùi Hoài Châu – Phó TGD, Thư ký : 386.203.318 đồng/9 tháng.
- Bà Phạm Thị Thu Nga – Kế toán trưởng: 454.198.442 đồng/năm.
- Bà Trần Thị Thu Phương – Thư ký : 18.000.000 đồng/03 tháng.

c- Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	1.424.345	12,68%	1.424.345	12,68%	

d/ Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

1-/Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

Stt	Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Gía trị giao dịch (đồng)
1	Công ty CP Xăng dầu và DV Hàng hải S.T.S	Mua hàng hóa	1.320.695.790.405
		Chia cổ tức	8.637.951.000
		Bán hàng hóa	170.838.080
2	Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.Hồ Chí Minh (SG Petro)	Chia cổ tức	3.389.562.000
3	Công ty CP dầu nhờn STS	Mua hàng hóa	2.498.747.984
		Bán hàng hóa	28.556.545
4	Công ty TNHH MTV STS Tây Nam Bộ	Mua hàng hóa	1.729.293
		Bán hàng hóa	0
3	Ông Lê Trọng Hiếu	Chia cổ tức	2.136.517.500
4	Phạm Thanh Trâm	Chia cổ tức	6.300.000
5	Lê Trần Hà Thanh	Chia cổ tức	8.250.000

2-/Giao dịch giữa người nội bộ Công ty niêm yết, người liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do Công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: **Không có**.

3-/Giao dịch giữa Công ty với các Công ty mà thành viên HĐQT, thành viên UBKT, TGD đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, TGD điều hành trong thời gian ba năm trở lại đây: **Không có**

4-/Giao dịch giữa công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, TGD điều hành là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành: **không có**.

5-/Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: **không có**.

đ/ Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ:

- Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty:

Stt	Người giao dịch	Quan hệ với NNB	Số CP sở hữu đầu kỳ	Số CP sở hữu cuối kỳ	Lý do tăng/giảm
1	Lê Trần Hà Thanh	Con Ông Lê Trọng Hiếu	6.400	6.500	Mua thêm cổ phiếu

- Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có.

e-/ Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty được thành lập và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ năm 2000 trở thành Công ty đại chúng, từ năm 2004 cổ phiếu được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh. Cơ cấu điều hành và quản trị Công ty được thiết lập và tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.
- Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, Ban điều hành luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra với kinh nghiệm lâu năm trong ngành bán lẻ xăng dầu, đội ngũ quản trị Công ty luôn nỗ lực, hạn chế tối đa các rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

- a. Ý kiến kiểm toán

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("Giấy CNĐKDN") số 0300631013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH và ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 29 tháng 8 năm 2000 và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 23 vào ngày 10 tháng 2 năm 2025.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch SFC theo Quyết định số 31/UBCN-GPNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6 năm 2004.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán lẻ xăng dầu, dầu nhờn trong các cửa hàng chuyên doanh và cho thuê mặt bằng và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 146E Đường Nguyễn Đình Chính, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty đang có 17 địa điểm kinh doanh và 1 chi nhánh bán lẻ xăng dầu, dầu nhờn hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch
Ông Vũ Hùng	Thành viên
Ông Trịnh Bá Bộ	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Thành viên

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Khoa	Chủ tịch
Ông Vũ Hùng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trịnh Bá Bộ	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Tuấn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2025
Bà Bùi Hoài Châu	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT
Ông Trịnh Bá Bộ	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 


Trịnh Bá Bộ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 11 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11540929/68630049-FN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 11 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1

Ngô Đức Nhật
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5627-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 11 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		167.381.378.146	164.882.526.674
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	73.921.137.970	137.503.957.987
111	1. Tiền		10.921.137.970	33.103.957.987
112	2. Các khoản tương đương tiền		63.000.000.000	104.400.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		70.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	70.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.885.023.218	5.911.881.820
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	5.578.366.779	5.448.103.398
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.412.414.400	125.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.894.242.039	338.778.422
140	IV. Hàng tồn kho	8	13.275.963.935	20.419.999.975
141	1. Hàng tồn kho		13.275.963.935	20.419.999.975
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.299.253.023	1.046.686.892
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.299.253.023	1.046.686.892
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		110.399.822.744	115.243.215.989
210	I. Khoản phải thu dài hạn		5.000.000	5.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		5.000.000	5.000.000
220	II. Tài sản cố định		60.466.812.581	64.842.539.084
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	13.008.833.089	15.103.686.537
222	Nguyên giá		68.326.334.226	67.436.188.141
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(55.317.501.137)	(52.332.501.604)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	47.457.979.492	49.738.852.547
228	Nguyên giá		69.157.880.865	68.963.880.865
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.699.901.373)	(19.225.028.318)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	33.787.871.414	35.016.616.742
231	1. Nguyên giá		49.984.191.858	49.984.191.858
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(16.196.320.444)	(14.967.575.116)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		915.900.909	1.289.750.909
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	915.900.909	1.289.750.909
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	14	6.429.667.600	6.392.992.400
253	1. Đầu tư vào đơn vị khác		10.296.000.000	10.296.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.866.332.400)	(3.903.007.600)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		8.794.570.240	7.696.316.854
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	4.899.428.041	4.263.963.827
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	27.3	3.895.142.199	3.432.353.027
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		277.781.200.890	280.125.742.663

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		94.760.209.240	101.531.332.588
310	I. Nợ ngắn hạn		90.283.705.140	97.141.508.488
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	6.801.493.234	10.020.270.319
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		787.266.741	290.991.343
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	21.474.561.047	23.086.052.486
314	4. Phải trả người lao động		6.938.575.028	7.384.227.972
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		693.452.561	377.062.171
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		220.566.522	220.566.526
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	20.825.614.486	21.163.576.100
320	8. Vay ngắn hạn	18	29.908.400.000	31.723.416.361
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	2.633.775.521	2.875.345.210
330	II. Nợ dài hạn		4.476.504.100	4.389.824.100
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	4.476.504.100	4.389.824.100
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		183.020.991.650	178.594.410.075
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	183.020.991.650	178.594.410.075
411	1. Vốn cổ phần		112.914.590.000	112.914.590.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		112.914.590.000	112.914.590.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		9.243.168.730	9.220.495.600
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(1.414.603.444)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		39.398.471.894	39.398.471.894
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.464.761.026	18.475.456.025
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.623.227.525	1.550.100.710
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này		19.841.533.501	16.925.355.315
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		277.781.200.890	280.125.742.663

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 11 năm 2025



Trần Thị Ngọc Tú
Người lập



Phạm Thị Thu Nga
Kế toán trưởng



Trịnh Bá Bộ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.435.402.844.680	1.650.714.013.262
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(99.193.363)	(83.690.617)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.435.303.651.317	1.650.630.322.645
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(1.340.985.378.625)	(1.564.101.799.409)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		94.318.272.692	86.528.523.236
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	5.956.038.658	3.364.750.479
22	7. Chi phí tài chính	23	(1.378.096.738)	(888.486.069)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.394.888.062)	(824.457.045)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(52.760.860.385)	(53.336.578.818)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(18.202.124.378)	(12.275.310.119)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		27.933.229.849	23.392.898.709
31	11. Thu nhập khác	25	13.841.826	392.174.813
32	12. Chi phí khác		(209.099)	(62.916.934)
40	13. Lợi nhuận khác		13.632.727	329.257.879
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.946.862.576	23.722.156.588
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(6.363.503.415)	(5.378.995.411)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	462.789.172	462.789.172
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		22.046.148.333	18.805.950.349
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.5	1.757	1.507
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.5	1.757	1.507



Trần Thị Ngọc Tú
Người lập



Phạm Thị Thu Nga
Kế toán trưởng



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 11 năm 2025

Trịnh Bá Bộ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.946.862.576	23.722.156.588
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11, 12	6.688.617.916	6.740.418.273
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(36.675.200)	48.559.600
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	21.2	(5.956.038.658)	(3.364.750.479)
06	Chi phí lãi vay	23	1.394.888.062	824.457.045
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		30.037.654.696	27.970.841.027
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(215.367.547)	2.839.398.130
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		7.144.036.040	(1.068.300.406)
11	Giảm (tăng) các khoản phải trả		(5.010.898.780)	1.890.288.568
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(888.030.345)	470.712.801
14	Lãi vay đã trả		(1.394.672.920)	(844.402.144)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(5.648.668.841)	(6.537.019.429)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	867.846.996
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.446.184.521)	(3.477.115.080)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		21.577.867.782	22.112.250.463
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản		(2.190.075.094)	(1.807.756.369)
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn		(70.000.000.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		4.258.479.207	3.334.507.191
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng) từ hoạt động đầu tư		(67.931.595.887)	1.526.750.822
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	20	1.437.276.574	-
33	Tiền thu từ đi vay	18	440.561.285.844	330.600.803.971
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(442.376.302.205)	(336.877.387.610)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	20.2	(16.851.352.125)	(22.468.469.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(17.229.091.912)	(28.745.053.139)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(63.582.820.017)	(5.106.051.854)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		137.503.957.987	142.610.009.841
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	73.921.137.970	137.503.957.987

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 11 năm 2025



Trần Thị Ngọc Tú
Người lập



Phạm Thị Thu Nga
Kế toán trưởng



Trịnh Bá Bộ
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("Giấy CNĐKDN") số 0300631013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH và ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 29 tháng 8 năm 2000 và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 23 vào ngày 10 tháng 2 năm 2025.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch SFC theo Quyết định số 31/UBCN-GPNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6 năm 2004.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán lẻ xăng dầu, dầu nhờn trong các cửa hàng chuyên doanh và cho thuê mặt bằng và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 146E Đường Nguyễn Đình Chính, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty đang có 17 địa điểm kinh doanh và 1 chi nhánh bán lẻ xăng dầu, dầu nhờn hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 là 177 người (ngày 30 tháng 9 năm 2024: 186 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới TSCĐ vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hoàn thành nghĩa vụ đóng tiền thuê đất đối với Nhà nước. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn TSCĐ vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 13 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	29 - 43 năm
Phần mềm	6 - 10 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	48 - 50 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê ghi nhận hàng kỳ

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.19 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.21 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh xăng dầu chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh xăng dầu trong một khu vực địa lý. Vì vậy, không có yêu cầu trình bày thêm thông tin bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.119.923.200	4.426.373.683
Tiền gửi ngân hàng	6.801.214.770	28.677.584.304
Các khoản tương đương tiền (*)	63.000.000.000	104.400.000.000
TỔNG CỘNG	73.921.137.970	137.503.957.987

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi có thể áp dụng.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động có thể áp dụng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên khác	5.558.544.029	5.428.264.418
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	19.822.750	19.838.980
TỔNG CỘNG	5.578.366.779	5.448.103.398

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty không có khoản nợ phải thu quá hạn chưa thu hồi.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi phải thu	1.869.345.204	171.785.753
Đặt cọc	23.029.303	8.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	1.557.032	158.992.669
Khác	310.500	-
TỔNG CỘNG	1.894.242.039	338.778.422

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	13.191.120.281	20.340.950.189
Công cụ dụng cụ, vật liệu phụ	84.843.654	79.049.786
TỔNG CỘNG	13.275.963.935	20.419.999.975

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.299.253.023	1.046.686.892
Chi phí thuê mặt bằng	802.000.000	691.000.000
Chi phí sửa chữa	71.431.247	126.514.845
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.440.467	51.221.778
Chi phí khác	413.381.309	177.950.269
Dài hạn	4.899.428.041	4.263.963.827
Chi phí thuê mặt bằng	2.265.000.000	2.709.000.000
Chi phí sửa chữa	1.298.265.635	768.286.668
Chi phí công cụ, dụng cụ	930.727.190	726.951.827
Chi phí khác	405.435.216	59.725.332
TỔNG CỘNG	6.198.681.064	5.310.650.719

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	34.683.924.372	22.822.841.125	2.341.945.454	7.587.477.190	67.436.188.141
Mua trong năm	-	-	-	686.046.085	686.046.085
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	204.100.000	204.100.000
Số cuối năm	34.683.924.372	22.822.841.125	2.341.945.454	8.477.623.275	68.326.334.226
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	8.899.995.224	17.678.843.450	940.454.545	4.230.142.578	31.749.435.797
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(23.092.315.096)	(21.544.609.676)	(2.175.424.232)	(5.520.152.600)	(52.332.501.604)
Khấu hao trong năm	(1.806.253.512)	(477.166.178)	(140.149.092)	(561.430.751)	(2.984.999.533)
Số cuối năm	(24.898.568.608)	(22.021.775.854)	(2.315.573.324)	(6.081.583.351)	(55.317.501.137)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	11.591.609.276	1.278.231.449	166.521.222	2.067.324.590	15.103.686.537
Số cuối năm	9.785.355.764	801.065.271	26.372.130	2.396.039.924	13.008.833.089

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	67.316.740.865	1.647.140.000	68.963.880.865
Mua trong năm	-	50.000.000	50.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	144.000.000	144.000.000
Số đầu năm và số cuối năm	67.316.740.865	1.841.140.000	69.157.880.865
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	1.415.000.000	1.415.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(17.896.694.844)	(1.328.333.474)	(19.225.028.318)
Hao mòn trong năm	(2.324.680.968)	(150.192.087)	(2.474.873.055)
Số cuối năm	(20.221.375.812)	(1.478.525.561)	(21.699.901.373)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	49.420.046.021	318.806.526	49.738.852.547
Số cuối năm	47.095.365.053	362.614.439	47.457.979.492

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

			VND
	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	17.313.043.291	32.671.148.567	49.984.191.858
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	280.884.000	280.884.000
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(4.703.335.363)	(10.264.239.753)	(14.967.575.116)
Khấu hao trong năm	(351.262.152)	(877.483.176)	(1.228.745.328)
Số cuối năm	(5.054.597.515)	(11.141.722.929)	(16.196.320.444)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	12.609.707.928	22.406.908.814	35.016.616.742
Số cuối năm	12.258.445.776	21.529.425.638	33.787.871.414

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê mặt bằng, bất động sản đầu tư và chi phí hoạt động liên quan được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập cho thuê mặt bằng và bất động sản đầu tư	18.351.913.480	20.543.466.753
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	1.228.745.328	1.228.745.328
Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong <i>Thuyết minh số 29.1</i> .		

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình 1A Phạm Ngọc Thạch	915.900.909	915.900.909
Phần mềm quản lý cửa hàng bán lẻ xăng dầu - EGAS	-	373.850.000
TỔNG CỘNG	915.900.909	1.289.750.909

14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

		VND			
Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	%	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	1,65	10.000.000.000	(3.750.000.000)	10.000.000.000	(3.750.000.000)
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	0,97	296.000.000	(116.332.400)	296.000.000	(153.007.600)
TỔNG CỘNG		10.296.000.000	(3.866.332.400)	10.296.000.000	(3.903.007.600)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho bên thứ ba	943.652.295	1.319.487.759
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Số 1</i>	857.228.400	816.231.600
<i>Các bên khác</i>	86.423.895	503.256.159
Phải trả cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	5.857.840.939	8.700.782.560
TỔNG CỘNG	6.801.493.234	10.020.270.319

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty không có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế bảo vệ môi trường (*)	13.180.777.187	155.322.930.654	(155.671.874.325)	12.831.833.516
Tiền thuê đất	6.656.728.489	13.987.987.749	(15.971.930.459)	4.672.785.779
Thuế giá trị gia tăng	2.349.896.256	23.895.608.875	(24.008.317.737)	2.237.187.394
Thuế thu nhập doanh nghiệp	863.893.946	6.363.503.415	(5.648.668.841)	1.578.728.520
Thuế thu nhập cá nhân	34.756.608	962.762.428	(965.536.545)	31.982.491
Khác	-	156.043.347	(34.000.000)	122.043.347
TỔNG CỘNG	23.086.052.486	200.688.836.468	(202.300.327.907)	21.474.561.047

(*) Thuế suất áp dụng cho thuế bảo vệ môi trường trong năm như sau:

Loại xăng dầu	Năm nay	Năm trước
Xăng RON 95 - III	2.000 VND/Lít	2.000 VND/Lít
Xăng RON 97 - V	2.000 VND/Lít	2.000 VND/Lít
Dầu DO 0.05S	1.000 VND/Lít	1.000 VND/Lít

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	20.825.614.486	21.163.576.100
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Đô Thành ("DOTHANHREAL") (*)	16.303.268.195	14.621.738.304
Ký quỹ, ký cược	4.220.640.000	4.053.566.840
Khác	301.706.291	2.488.270.956
Dài hạn	4.476.504.100	4.389.824.100
Ký quỹ, ký cược	4.476.504.100	4.389.824.100
TỔNG CỘNG	25.302.118.586	25.553.400.200

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ("HĐHTKD") số 01/2013/HĐHTKD-SFC&DOTHANHREAL ngày 9 tháng 7 năm 2013 giữa Công ty và DOTHANHREAL về việc góp vốn đầu tư xây dựng tòa nhà BETA Tower – số 1A Phạm Ngọc Thạch, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, hai bên đang trong quá trình thống nhất hoàn tất các thủ tục pháp lý có liên quan đến HĐHTKD trên. Khoản tiền hàng năm nhận được từ DOTHANHREAL chưa ghi nhận doanh thu HĐHTKD, đã tạm nộp thuế GTGT và thuế TNDN trên số tiền doanh thu nhận được từ DOTHANHREAL.

18. VAY NGẮN HẠN

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	31.723.416.361	440.561.285.844	(442.376.302.205)	29.908.400.000

Chi tiết khoản vay tín chấp ngắn hạn từ ngân hàng nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	VND		%/năm
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	29.908.400.000	Từ ngày 17 đến ngày 20 tháng 10 năm 2025	Lãi suất áp dụng cho mỗi lần giải ngân

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.875.345.210	2.104.018.260
Trích lập quỹ trong năm	2.204.614.832	3.380.595.034
Tăng khác trong năm	46.975	867.846.996
Sử dụng quỹ	(2.446.231.496)	(3.477.115.080)
Số cuối năm	2.633.775.521	2.875.345.210

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	112.914.590.000	9.220.495.600	(1.414.603.444)	39.398.471.894	25.519.738.710	185.638.692.760
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	18.805.950.349	18.805.950.349
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(22.469.638.000)	(22.469.638.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.380.595.034)	(3.380.595.034)
Số cuối năm	<u>112.914.590.000</u>	<u>9.220.495.600</u>	<u>(1.414.603.444)</u>	<u>39.398.471.894</u>	<u>18.475.456.025</u>	<u>178.594.410.075</u>
Năm nay						
Số đầu năm	112.914.590.000	9.220.495.600	(1.414.603.444)	39.398.471.894	18.475.456.025	178.594.410.075
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	22.046.148.333	22.046.148.333
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(16.852.228.500)	(16.852.228.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.204.614.832)	(2.204.614.832)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	22.673.130	1.414.603.444	-	-	1.437.276.574
Số cuối năm	<u>112.914.590.000</u>	<u>9.243.168.730</u>	<u>-</u>	<u>39.398.471.894</u>	<u>21.464.761.026</u>	<u>183.020.991.650</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm và số cuối năm	112.914.590.000	112.914.590.000
Cổ tức đã chia		
Cổ tức công bố (i)	(16.852.228.500)	(22.469.638.000)
Cổ tức đã trả	(16.851.352.125)	(22.468.469.500)

(i) Trong năm, Công ty hoàn thành việc thanh toán cổ tức năm 2024 bằng tiền tại mức 15% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 27/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024.

20.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phần	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	11.291.459	11.291.459
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	11.291.459	11.291.459
Cổ phiếu phổ thông	11.291.459	11.291.459
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	(56.640)
Cổ phiếu phổ thông	-	(56.640)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.291.459	11.234.819
Cổ phiếu phổ thông	11.291.459	11.234.819

20.4 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số đầu năm và số cuối năm		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	5.758.634	57.586.340.000	51.00
Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	2.259.708	22.597.080.000	20.01
Các cổ đông khác	3.273.117	32.731.170.000	28.99
TỔNG CỘNG	11.291.459	112.914.590.000	100.00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.5 Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	22.046.148.333	18.805.950.349
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(2.204.614.832)	(1.880.595.034)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	19.841.533.501	16.925.355.315
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	11.291.459	11.234.819
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND) (Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu)	1.757	1.507
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.757	1.507

Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.435.402.844.680	1.650.714.013.262
Trong đó:		
Doanh thu bán lẻ xăng dầu	1.417.050.931.200	1.630.170.546.509
Doanh thu cho thuê và cung cấp dịch vụ	18.351.913.480	20.543.466.753
Trừ	(99.193.363)	(83.690.617)
Chiết khấu thương mại	(99.193.363)	(83.690.617)
Doanh thu thuần	1.435.303.651.317	1.650.630.322.645
Trong đó:		
Doanh thu buôn bán hàng hóa	1.416.951.737.837	1.630.086.855.892
Doanh thu cho thuê và cung cấp dịch vụ	18.351.913.480	20.543.466.753

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.956.038.658	3.364.750.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán lẻ xăng dầu	1.339.756.633.297	1.562.873.054.081
Giá vốn cho thuê và cung cấp dịch vụ	1.228.745.328	1.228.745.328
TỔNG CỘNG	1.340.985.378.625	1.564.101.799.409

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.394.888.062	824.457.045
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng tổn thất đầu tư	(36.675.200)	48.559.600
Chi phí khác	19.883.876	15.469.424
TỔNG CỘNG	1.378.096.738	888.486.069

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	52.760.860.385	53.336.578.818
Chi phí nhân viên	25.381.845.541	28.468.769.347
Chi phí dịch vụ mua và thuê ngoài	18.566.289.979	16.029.291.104
Chi phí khấu hao	2.798.861.741	2.847.085.058
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	999.149.237	885.669.360
Chi phí khác	5.014.713.887	5.105.763.949
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.202.124.378	12.275.310.119
Chi phí nhân viên quản lý	10.838.532.806	6.108.132.423
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.661.010.847	2.664.587.887
Chi phí dịch vụ mua và thuê ngoài	1.318.463.479	1.010.080.790
Chi phí khác	3.384.117.246	2.492.509.019
TỔNG CỘNG	70.962.984.763	65.611.888.937

25. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ phiếu xăng hết hạn sử dụng	-	285.620.320
Khác	13.841.826	106.554.493
TỔNG CỘNG	13.841.826	392.174.813

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hàng hóa	1.339.756.633.297	1.562.873.054.081
Chi phí nhân viên	36.220.378.347	34.576.901.770
Chi phí dịch vụ mua và thuê ngoài	19.884.753.458	17.039.371.894
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10, 11 và 12)	6.688.617.916	6.740.418.273
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	999.149.237	982.085.036
Chi phí khác	8.398.831.133	7.501.857.292
TỔNG CỘNG	1.411.948.363.388	1.629.713.688.346

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.363.503.415	5.378.995.411
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(462.789.172)	(462.789.172)
TỔNG CỘNG	5.900.714.243	4.916.206.239

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.946.862.576	23.722.156.588
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	5.589.372.515	4.744.431.318
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	311.341.728	171.774.921
Chi phí thuế TNDN	5.900.714.243	4.916.206.239

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

			VND	
	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Hao mòn tài sản cố định vô hình	3.895.142.199	3.432.353.027	462.789.172	462.789.172
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	3.895.142.199	3.432.353.027		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			462.789.172	462.789.172

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có tồn tại sự kiểm soát và các bên liên quan khác có giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu nhờn S.T.S	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Một thành viên S.T.S Tây Nam Bộ	Công ty trong cùng tập đoàn
Ông Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT
Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự chủ chốt

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	Mua hàng hóa	1.320.695.790.405	1.549.759.254.548
	Chia cổ tức	8.637.951.000	11.517.268.000
	Bán hàng hóa	170.838.080	211.450.420
Công ty Cổ phần Dầu nhờn S.T.S	Mua hàng hóa	2.498.747.984	3.530.186.728
	Bán hàng hóa	28.556.545	24.849.182
Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	Chia cổ tức	3.389.562.000	4.519.416.000
Ông Lê Trọng Hiếu	Chia cổ tức	2.136.517.500	2.848.690.000
Công ty TNHH Một thành viên S.T.S Tây Nam Bộ	Bán hàng hóa	1.729.293	-
	Mua hàng hóa	-	708.611.251

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

VND			
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	Bán hàng hóa	19.822.750	15.675.580
Công ty Cổ phần Dầu nhờn S.T.S	Bán hàng hóa	-	4.163.400
TỔNG CỘNG		19.822.750	19.838.980
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	Mua hàng hóa	5.363.130.000	8.429.350.000
Công ty Cổ phần Dầu nhờn S.T.S	Mua hàng hóa	494.710.939	271.432.560
TỔNG CỘNG		5.857.840.939	8.700.782.560

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ủy ban Kiểm toán ("UBKT") và Ban Tổng Giám đốc như sau:

VND			
Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	760.000.000	259.020.000
Ông Trịnh Bá Bộ	Thành viên HĐQT		
	Tổng Giám đốc	1.095.000.000	1.109.658.273
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên HĐQT		
	Chủ tịch UBKT	292.500.000	181.170.000
Ông Vũ Hùng	Thành viên HĐQT	252.000.000	181.170.000
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	252.000.000	148.345.000
Bà Bùi Hoài Châu	Thư ký HĐQT		
	Phó Tổng Giám đốc	386.203.318	489.010.882
Bà. Trần Thị Thu Phương	Thư ký HĐQT	18.000.000	-
Ông Phan Ngọc Hùng	Thành viên HĐQT	-	26.260.000
TỔNG CỘNG		3.055.703.318	2.394.634.155

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CAM KẾT THUÊ VÀ CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

29.1 Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê Tòa nhà văn phòng SFC và các bất động sản đầu tư khác theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	4.941.448.061	15.611.296.360
Từ 1 đến 5 năm	686.060.606	44.066.767.985
Trên 5 năm	-	94.841.935.650
TỔNG CỘNG	5.627.508.667	154.519.999.995

29.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê mặt bằng và thuê đất cho các địa điểm kinh doanh xăng dầu. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	5.753.213.767	5.999.543.767
Từ 1 đến 5 năm	17.897.201.285	18.310.928.759
Trên 5 năm	61.153.500.007	64.464.642.383
TỔNG CỘNG	84.803.915.059	88.775.114.909

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 11 năm 2025



Trần Thị Ngọc Tú
Người lập



Phạm Thị Thu Nga
Kế toán trưởng




Trịnh Bá Bộ
Tổng Giám đốc